

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LỨC  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 14-9-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH L**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Miên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

2. Ông Lê Văn Thuận

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Thái Thị Thanh Thúy – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 443/2020/TLST-DS ngày 03/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Ph1, xã Ph, huyện Đ, tỉnh ĐN

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1965;

HKTT: Ấp A1, xã Kh, huyện A, tỉnh AG.

Tạm trú: Đường số 14, khu dân cư Th, khu phố 8, thị trấn B1, huyện B, tỉnh L.

(Bà T có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, bà P vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào ngày 11/4/2020, bà Lê Thị P vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn trả là 2 tháng. Việc vay tiền không lập thành văn bản. Đến hạn trả nợ bà P vẫn không trả cho bà nên bà làm đơn yêu cầu hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn B1.

Tại Biên bản hòa giải ngày 08/11/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn B1 thì bà P thừa nhận có nợ bà số tiền 50.000.000 đồng, trả mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ 20/11/2018 cho đến khi trả hết số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi hòa giải thì bà P không thực hiện đúng thỏa thuận, chỉ thanh toán được một kỳ vào ngày 20/8/2018 với số tiền 3.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà P phải trả cho bà số tiền còn nợ là 47.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà và các tài liệu nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bà P đều không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị P thanh toán số tiền xuất phát từ hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn B1 thì bà P có đăng ký tạm trú và đang cư trú, sinh sống tại khu phố 8, thị trấn B1, huyện B, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

[1.2] Bị đơn bà Lê Thị P đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Bà T yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt đương sự.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

[2.1] Việc vay tiền giữa bà T và bà P không lập thành văn bản. Nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 08/11/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn B1 thì bà P thừa nhận có nợ bà T 50.000.000 đồng, cam kết trả hàng tháng vào ngày 20, bắt đầu từ

20/11/2018 cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, bà P chỉ thanh toán được 1 kỳ với số tiền 3.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ khác, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.3] Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà P phải trả tiếp 47.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về lãi suất: bà T trình bày việc vay tiền giữa bà P với bà không thỏa thuận lãi suất, bà cũng không yêu cầu tính lãi nên bà P không phải chịu tiền lãi trên số tiền vay.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị P phải chịu 2.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Lê Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 2.350.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 1.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo các biên lai thu số 0001486 ngày 03/12/2019 (675.000 đồng) và 0001952 ngày 25/5/2020 (500.000 đồng) của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh L.
- VKSND huyện Bến Lức.
- THA huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Miên**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Oanh Thy – Lê Văn Thuận**

**Hồ Thị Miên**



